

<p>phải sang trái) 6 không trừ được 7, lấy 16 trừ 7 bằng 9 viết 9 nhớ 1, 5 trừ 1 bằng 4 viết 4. Vậy <math>56 - 7 = 49</math>. -Ghi bảng : <math>56 - 7 = 49</math>. <b>c / <u>Phép tính : <math>37 - 8</math>.</u></b> -Gọi 1 em lên đặt tính và tính.</p> <p>-Gọi 1 em nêu cách tính.</p> <p><b>d/ <u>Phép tính <math>68 - 9</math>.</u></b> -Gọi 1 em lên đặt tính và tính.</p> <p>-Gọi 1 em nêu cách tính.</p> <p>-Gọi 4 em nhắc lại cách tính 4 bài. <b>Hoạt động 3:Thực hành:</b> <b><u>Bài 1:</u></b> Tính - Khi tính ta thực hiện tính từ đâu sang đâu? -Gọi hs lên bảng làm bài dưới lớp làm vào vở.</p>	<p>-1 em lên đặt tính và tính.</p> $\begin{array}{r} 37 \\ - 8 \\ \hline 29 \end{array}$ <p>-7 không trừ được 8, lấy 17 trừ 8 bằng 9, viết 9 nhớ 1, 3 trừ 1 bằng 2 viết 2. Vậy <math>37 - 8 = 29</math></p> <p>-1 em lên đặt tính và tính.</p> $\begin{array}{r} 68 \\ - 9 \\ \hline 59 \end{array}$ <p>-8không trừ được 9, lấy 18 trừ 9 bằng 9 viết 9 nhớ 1, 6 trừ 1 bằng 5 viết 5. <math>68 - 9 = 59</math></p> <p>-4 em nhắc lại cách tính 4 bài.</p> <p>-Tính từ phải sang trái.</p> <p>-3 hs lên bảng làm bài , dưới lớp làm bài vào vở. -Nhận xét bài làm của bạn trên bảng.</p> <p>a, <math>\begin{array}{r} 45 \\ - 9 \\ \hline 36 \end{array}</math>    <math>\begin{array}{r} 75 \\ - 6 \\ \hline 69 \end{array}</math>    <math>\begin{array}{r} 95 \\ - 7 \\ \hline 88 \end{array}</math></p> <p>b, <math>\begin{array}{r} 66 \\ - 7 \\ \hline 58 \end{array}</math>    <math>\begin{array}{r} 96 \\ - 9 \\ \hline 87 \end{array}</math>    <math>\begin{array}{r} 36 \\ - 8 \\ \hline 28 \end{array}</math></p> <p>c, <math>\begin{array}{r} 87 \\ - 7 \\ \hline 80 \end{array}</math>    <math>\begin{array}{r} 77 \\ - 9 \\ \hline 68 \end{array}</math>    <math>\begin{array}{r} 48 \\ - 8 \\ \hline 40 \end{array}</math></p>
--	---

	$\frac{9}{78}$ $\frac{8}{69}$ $\frac{9}{39}$
<p>-Nhận xét , chữa bài .</p> <p><u>Bài 2: Tìm x:</u></p> <p>-Gọi hs nêu quy tắc tìm số hạng chưa biết.</p> <p>-Gọi 2 hs lên bảng làm bài.</p> <p>-Nhận xét , chữa bài</p> <p><b>Hoạt động 4:Củng cố , dặn dò.</b></p> <p>--Nhận xét tiết học.</p>	<p>-Muốn tìm số hạng chưa biết , ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết..</p> <p>-2 hs lên bảng làm bài , dưới lớp làm vào vở.</p> <p>a) <math>x + 9 = 27</math>                      b) <math>7 + x = 35</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>x = 27 - 9</math>                              <math>x = 35 - 7</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>x = 18</math>                                      <math>x = 28</math></p>

## Tiết 67:65-38 ; 46-17 ; 57-28 ; 78-29

### I-MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

-Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng  $65 - 38$ ;  $46 - 17$ ;  $57 - 28$ ;  $78 - 29$ .

- Biết giải bài toán có một phép trừ dạng trên.

#### 2. Kĩ năng : Rèn thuộc nhanh bảng trừ.

#### 3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II-CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p><b>Hoạt động 1: .KT bài cũ:</b></p> <p>-Gọi 2 hs lên bảng đặt tính rồi tính:<math>46-7</math> ; <math>35-9</math></p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Hoạt động 2:</b> Giới thiệu phép trừ <math>65 - 38</math>, <math>46 - 17</math>, <math>57 - 28</math>, <math>78 - 29</math>.</p> <p>a/ <u>Phép trừ 65 - 38</u></p> <p><u>Nêu vấn đề:</u> Có 65 que tính, bớt đi 38 que tính.Hỏi còn lại bao nhiêu que tính?</p> <p>-Để biết còn lại bao nhiêu que tính ta làm thế nào ?</p> <p>-Giáo viên viết bảng : <math>65 - 38=?</math></p>	<p>-2 hs lên bảng thực hiện , cả lớp làm vào bảng con.</p> <p>-Nhận xét bài làm của bạn trên bảng.</p> <p>-Nghe và phân tích đề toán.</p> <p>-1 em nhắc lại bài toán.</p> <p>-Thực hiện phép trừ <math>65 - 38</math></p>

HD HS đặt tính và tính.

$$\begin{array}{r} 65 \\ - 38 \\ \hline 27 \end{array}$$

-Viết 65 rồi viết 38 xuống dưới, sao cho 8 thẳng cột với 5 (đơn vị), 3 thẳng cột với 6. Viết dấu – và kẻ gạch ngang.

-Bắt đầu tính từ hàng đơn vị (từ phải sang trái) 5 không trừ được 8, lấy 15 trừ 8 bằng 7 viết 7 nhớ 1, 3 thêm 1 là 4, 6 trừ 4 bằng 2 viết 2.  $65 - 38 = 27$ .

-Em nêu cách đặt tính và tính.

b/ Phép tính :  $46 - 17, 57 - 28, 78 - 29$ .

-Ghi bảng :  $46 - 17, 57 - 28, 78 - 29$ .

-Gọi 3 em lên đặt tính và tính.

-Gọi 3 em nêu cách thực hiện phép trừ.

**Hoạt động 3:** Luyện tập .

**Bài 1:** Yêu cầu gì ?

- Trừ từ đâu sang đâu?

-Gọi 3 em lên bảng. Lớp tự làm.

-Nhận xét

-1 em nêu cách đặt tính và tính.

- 3 em lên bảng làm

$$\begin{array}{r} 46 \\ - 17 \\ \hline 29 \end{array} \quad \begin{array}{r} 57 \\ - 28 \\ \hline 29 \end{array} \quad \begin{array}{r} 78 \\ - 29 \\ \hline 49 \end{array}$$

-Tính

- Trừ từ phải sang trái.

-3 em lên bảng. Lớp tự làm vào vở.

$$\text{a, } \begin{array}{r} 85 \\ - 27 \\ \hline 58 \end{array} \quad \begin{array}{r} 55 \\ - 18 \\ \hline 37 \end{array} \quad \begin{array}{r} 95 \\ - 46 \\ \hline 49 \end{array}$$

$$\text{b, } \begin{array}{r} 96 \\ - 48 \\ \hline 48 \end{array} \quad \begin{array}{r} 86 \\ - 27 \\ \hline 59 \end{array} \quad \begin{array}{r} 66 \\ - 19 \\ \hline 47 \end{array}$$

$$\text{c, } \begin{array}{r} 98 \\ - 19 \\ \hline 79 \end{array} \quad \begin{array}{r} 88 \\ - 39 \\ \hline 49 \end{array} \quad \begin{array}{r} 48 \\ - 29 \\ \hline 19 \end{array}$$

**Bài 2 (cột 1):**- Gọi 1 HS đọc yêu cầu

- Trước khi điền số cần phải làm gì?
- GV viết lên bảng 2 bài ở cột 1 và gọi 2 hs lên bảng làm bài .

-Nhận xét , bài làm trên bảng.

**Bài 3:** -Gọi 1 em đọc đề.

GV hỏi kết hợp tóm tắt lên bảng

Tóm tắt

Bà : 65 tuổi

Mẹ kém bà : 27 tuổi

Mẹ : ... tuổi?

- Bài toán thuộc dạng nào?
- Yêu cầu cả lớp làm bài vào vở.
- Gọi hs lên bảng làm bài.

-Nhận xét .

**Hoạt động 3.Củng cố , dặn dò**

-Khi đặt tính cột dọc phải chú ý gì ?

- Thực hiện bắt đầu từ đâu ?
- Nhận xét tiết học.

-Điền số thích hợp vào ô trống.

- Thực hiện tìm kết quả.

-2 em lên bảng làm.

$$\begin{array}{ccc} & - 6 & & - 10 & \\ 86 & \longrightarrow & 80 & \longrightarrow & 70 \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} & - 9 & & - 9 & \\ 58 & \longrightarrow & 49 & \longrightarrow & 40 \end{array}$$

-1 em đọc đề.

- Về ít hơn vì kém hơn là ít hơn.
- HS thực hiện
- Làm bài.

Bài giải

Số tuổi của mẹ./Mẹ có số tuổi là:

$$65 - 27 = 38 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số : 38 tuổi.

- Chú ý sao cho đơn vị thẳng cột với đơn vị, chục thẳng cột với chục.
- Từ hàng đơn vị.

## TIẾT 68: Luyện tập

### I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức : Giúp học sinh củng cố về :
  - Thuộc bảng 15,16,17,18 trừ đi một số.
  - Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng đã học.
  - Biết giải bài toán về ít hơn.
2. Kỹ năng : Rèn kỹ năng đặt tính nhanh, giải toán đúng.
3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b>Hoạt động 1</b> : Làm bài tập.</p> <p><b>Bài 1</b>: Tính nhẩm là tính ntn?</p> <p>-Yc HS nhẩm và ghi kết quả.</p> <p>-YC HS nối tiếp nhau thông báo kết quả.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Bài 2</b>: Yêu cầu gì ?</p> <p>-Yc HS nhẩm và ghi kết quả sau dấu bằng.</p> <p>-Hãy so sánh : <math>15 - 5 - 1</math> và <math>15 - 6</math> ?</p> <p>-So sánh <math>5 + 1</math> và <math>6</math> ?</p>	<p>- Nhẩm rồi viết kết quả sau dấu bằng không đặt tính cột dọc.</p> <p>-15-6=9    14-8=6    15-8=7    15-9=6            16-7=9    15-7=8    14-6=8    16-8=8            17-8=9    16-9=7    17-9=8    14-5=9            18-9=9    13-6=7    13-7=6    13-9=4</p> <p>-HS nối tiếp nhau thông báo kết quả.</p> <p>-Tính nhẩm.</p> <p>-HS làm bài.</p> <p><math>15 - 5 - 1 = 9</math>    <math>16 - 6 - 3 = 7</math>  <math>15 - 6 = 9</math>    <math>16 - 9 = 7</math></p> <p>-Bằng nhau (9).</p>

Giải thích vì sao  $15 - 5 - 1 = 15 - 6$

-Kết luận: Khi trừ một số đi một tổng cũng bằng số đó trừ đi từng số hạng. Vì thế khi biết  $15 - 5 - 1 = 9$  có thể ghi ngay kết quả của  $15 - 6 = 9$ .

**Bài 3**: Yêu cầu gì ?

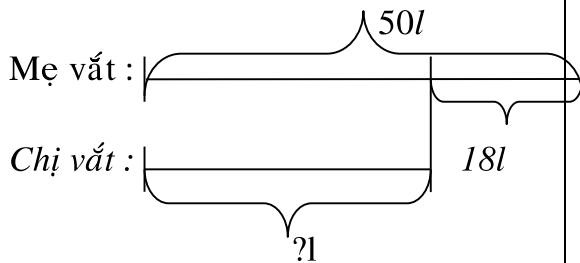
- Khi đặt tính cần chú ý điều gì?
- Tính: Trừ từ đâu sang đâu?
- Gọi 4 em lên bảng

-Nhận xét.

**Bài 4**: Gọi 1 em đọc đề.

- GV hỏi kết hợp tóm tắt lên bảng

Tóm tắt



- Bài toán thuộc dạng gì ?
- Gọi 1 em lên bảng làm.

-Nhận xét

**Hoạt động 2**: Củng cố:

- Gọi vài HS nhắc lại cách đặt tính và tính các phép trừ có nhớ ?

$$-5 + 1 = 6.$$

-Vì  $15 = 15$ ,  $5 + 1 = 6$  nên  $15 - 5 - 1 = 15 - 6$

-Đặt tính rồi tính.

- Viết thẳng cột

- Trừ từ phải sang trái.

-4em lên bảng. Lớp tự làm vào vở.

$$\begin{array}{r} \text{a,} \\ - \quad 35 \\ \quad \quad 7 \\ \hline \quad \quad 28 \end{array} \quad \begin{array}{r} - \quad 72 \\ \quad \quad 36 \\ \hline \quad \quad 36 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b,} \\ - \quad 81 \\ \quad \quad 9 \\ \hline \quad \quad 72 \end{array} \quad \begin{array}{r} - \quad 50 \\ \quad \quad 17 \\ \hline \quad \quad 33 \end{array}$$

-Về ít hơn.

Bài giải:

Số lít sữa chị vắt được là :

$$50 - 18 = 32 (l)$$

Đáp số : 32 l sữa bò.

-Vài em nêu.

-Nhận xét tiết học.	
---------------------	--

## Tiết 69: Bảng trừ

### I/ MỤC TIÊU :

#### 1. Kiến thức :

- Thuộc các bảng trừ trong phạm vi 20.
- Biết vận dụng các bảng cộng, trừ trong phạm vi 20 để làm tính cộng rồi trừ liên tiếp.

2. Kĩ năng : Rèn kĩ năng thuộc nhanh các bảng trừ, giải toán đúng.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II/ CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên : Ghi bảng “BẢNG TRỪ”

2. Học sinh : Sách toán, vở ,bảng con, nháp.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b>Hoạt động 1</b> :Bảng trừ: Bài 1:  <u>Trò chơi</u> : Thi lập bảng trừ.</p> <p>-Chia lớp thành 4 nhóm            -YC 4 nhóm viết 4 bảng trừ vào bảng học nhóm</p>	<p>Hoạt động nhóm.</p> <p>-Chia 4 nhóm chơi.</p> <p>-Nhóm 1 : Bảng trừ 11.            -Nhóm 2 : Bảng trừ 12.            -Nhóm 3 : Bảng trừ 13, 17.            -Nhóm 4 : Bảng trừ 14, 15, 16.            -Nhóm nào xong gắn lên bảng.</p> <p> <math>11 - 2 = 9</math>      <math>12 - 3 = 9</math>      <math>13 - 4 = 9</math>  <math>11 - 3 = 8</math>      <math>12 - 4 = 8</math>      <math>13 - 5 = 8</math>  <math>11 - 4 = 7</math>      <math>12 - 5 = 7</math>      <math>13 - 6 = 7</math>  <math>11 - 5 = 6</math>      <math>12 - 6 = 6</math>      <math>13 - 7 = 6</math>  <math>11 - 6 = 5</math>      <math>12 - 7 = 5</math>      <math>13 - 8 = 5</math>  <math>11 - 7 = 4</math>      <math>12 - 8 = 4</math>      <math>13 - 9 = 4</math> </p>

<p>-GV kiểm tra lại. Nếu sai đánh dấu đỏ.</p> <p>-Nhóm nào có ít phép tính sai là nhóm thắng cuộc.</p> <p><b><u>Hoạt động 2 : Bài 2:</u></b></p> <p>Yêu cầu gì ?</p> <p>- Gọi 2 em lên bảng làm.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b><u>Hoạt động 3 : Củng cố:</u></b></p> <p>-Gọi 4 - 5 em ĐTL một bảng trừ và hỏi một vài phép tính trong bảng.</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p> <p>-Tuyên dương, nhắc nhở.</p>	$11 - 8 = 3 \quad 12 - 9 = 3$ $11 - 9 = 2$ $14 - 5 = 9 \quad 15 - 6 = 9 \quad 16 - 7 = 9 \quad 17 - 8 = 9$ $14 - 6 = 8 \quad 15 - 7 = 8 \quad 16 - 8 = 8 \quad 17 - 9 = 8$ $14 - 7 = 7 \quad 15 - 8 = 7 \quad 16 - 9 = 7$ $14 - 8 = 6 \quad 15 - 9 = 6$ $14 - 9 = 5$ <p>-Nhẩm và ghi kết quả sau dấu bằng.</p> $5 + 6 - 8 = 3$ $8 + 4 - 5 = 7$
---	--



## Tiết 70 :Luyện tập

### I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức : Giúp học sinh :

- Biết vận dụng bảng trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm, trừ có nhớ trong phạm vi 100, giải toán về ít hơn.

- Biết tìm số bị trừ, số hạng chưa biết.

2. Kỹ năng : Rèn làm tính nhanh, giải toán đúng.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b>Hoạt động 1</b> :Luyện tập.</p> <p><b>Bài 1</b> : -GV ghi các phép tính trong bài 1 lên bảng.</p> <p>- Yc HS tự nhẩm rồi viết kết quả sau dấu bằng</p> <p>- Chữa bài: Gọi 4 HS nêu kết quả 4 cột.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Bài 2</b>:</p> <p>-Yêu cầu gì ?</p>	<p>- HS làm bài vào vở:</p> $\begin{array}{ll} 18 - 9 = 9 & 16 - 8 = 8 \\ 17 - 8 = 9 & 15 - 7 = 8 \\ 16 - 7 = 9 & 14 - 6 = 8 \\ 15 - 6 = 9 & 13 - 5 = 8 \\ 12 - 3 = 9 & 12 - 4 = 8 \end{array}$ $\begin{array}{ll} 14 - 7 = 7 & 17 - 9 = 8 \\ 13 - 6 = 5 & 12 - 8 = 4 \\ 12 - 5 = 7 & 16 - 6 = 10 \\ 11 - 4 = 7 & 14 - 5 = 9 \\ 10 - 3 = 7 & 11 - 3 = 8 \end{array}$ <p>-Đặt tính rồi tính.</p>

- Khi đặt tính cần chú ý điều gì?
- Trừ từ đâu sang đâu?
- Gọi 2 em lên bảng làm mỗi em 2 phép tính.

-Nhận xét.

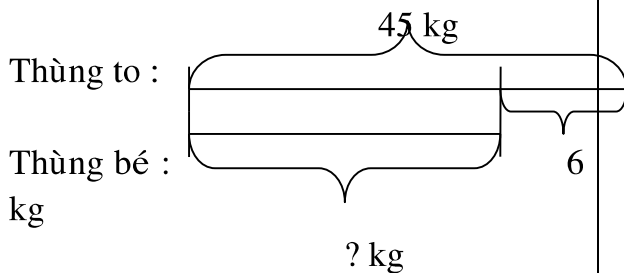
**Bài 3:**

- Yêu cầu gì ?
- x là gì trong ý b?
- Em nêu cách tìm số hạng?

**Bài 4 :** Yêu cầu HS đọc đề bài.

- Bài toán cho biết gì?
- Bài toán hỏi gì?

Tóm tắt



- Bài toán thuộc dạng gì ?

- Viết thẳng cột
- Trừ từ phải sang trái
- 2 em lên bảng làm mỗi em 2 phép tính.

$$a, \quad \begin{array}{r} 35 \\ - 8 \\ \hline 27 \end{array} \quad \begin{array}{r} 63 \\ - 5 \\ \hline 58 \end{array}$$

$$b, \quad \begin{array}{r} 72 \\ - 34 \\ \hline 38 \end{array} \quad \begin{array}{r} 94 \\ - 36 \\ \hline 58 \end{array}$$

- Tìm x.
- là số hạng.
- Trả lời.
- Lớp làm bài.

$$b) 8 + x = 42$$

$$x = 42 - 8$$

$$x = 34$$

- Các phép tính còn lại làm tương tự
- HS đọc
- Thùng to có 45 kg đường, thùng bé có ít hơn thùng to 6 kg đường.
- Thùng bé có bao nhiêu kg đường

- Bài thuộc dạng toán ít hơn.

Bài giải

Thùng bé có là :

$$45 - 6 = 39 (kg)$$

- Nhận xét <u>Hoạt động 2 : Củng cố , dặn dò :</u> - Nhận xét tiết học	<u>Đáp số</u> : 39 kg đường. -.
--	------------------------------------

## TUẦN 15

### Tiết 71:100 trừ đi một số

#### I/ MỤC TIÊU :

- Kiến thức :-Giúp học sinh :  
- Biết cách thực hiện phép trừ có nhớ dạng: 100 trừ đi một số có một hoặc hai chữ số.  
- Biết tính nhẩm 100 trừ đi số tròn chục.
- Kĩ năng : Rèn làm tính nhanh, giải toán đúng chính xác.
- Thái độ : Phát triển tư duy toán học cho học sinh.

#### II/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b>Hoạt động1: KT bài cũ :</b></p> <p>-Ghi : 65 – 27      78 - 29      47 – 9 - 8</p> <p>-Nhận xét.</p> <p>*Giới thiệu bài.</p> <p><b>Hoạt động 2:</b> Giới thiệu phép trừ 100 – 36; 100 – 5.</p> <p>a/ <u>Phép trừ 100 – 36</u></p> <p><u>Nêu vấn đề:</u> Có 100 que tính, bớt đi 36 que tính.Hỏi còn lại bao nhiêu que tính? -Để biết còn lại bao nhiêu que tính ta làm thế nào ?</p> <p>-Giáo viên viết bảng : 100 – 36</p> <p>-HD hs đặt tính và tính:</p> <p style="padding-left: 40px;">Viết 100 rồi viết 36 dưới</p> $\begin{array}{r} 100 \\ - 36 \\ \hline \end{array}$ <p>10 100 sao cho 6 thẳng cột với 0 (đơn vị), 3 thẳng cột với 0 (chục). Viết dấu – và kẻ vạch ngang.</p> <p>06 -Bắt đầu tính từ hàng đơn vị (từ phải sang trái) 0 không trừ</p> <p>4</p>	<p>-3 em đặt tính và tính.Lớp bảng con.</p> <p>100 trừ đi một số.</p> <p>-Nghe và phân tích đề toán.</p> <p>-1 em nhắc lại bài toán.</p> <p>-Thực hiện phép trừ 100 - 36</p>

được 6, lấy 10 trừ 6 bằng 4 viết 4 nhớ 1.  
3 thêm 1 bằng 4, 0 không trừ được 4 lấy  
10 trừ 4 bằng 6, viết 6 nhớ 1.

1 trừ 1 bằng 0 viết 0.

-Vậy  $100 - 36 = ?$

Viết bảng :  $100 - 36 = 64$

b/ Phép tính :  $100 - 5$  :

Nêu vấn đề : Có 100 que tính, bớt đi 5 que  
tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính?

-Để biết còn lại bao nhiêu que tính ta làm  
thế nào ?

-HD hs đặt tính và tính:

10 Viết 100 rồi viết 5 dưới 100  
0 sao cho 5 thẳng cột với 0 (đơn  
- vị). Viết dấu - và kẻ vạch  
5 ngang.

09 -Bắt đầu tính từ hàng đơn vị  
5 (từ phải sang trái) 0 không trừ  
được 5, lấy 10 trừ 5 bằng 5 viết

5 nhớ 1.

0 không trừ được 1, lấy 10 trừ 1 bằng 9  
viết 9, nhớ 1.

1 trừ 1 bằng 0 viết 0.

-Vậy  $100 - 5 = ?$

-Ghi bảng :  $100 - 5 = 95$

**Hoạt động 3:** Luyện tập .

**Bài 1 :**

- Gọi HS đọc đề bài

-Gọi 2 em lên bảng.

- Chữa bài: -Gọi 2 em lên bảng. nêu cách  
thực hiện các phép tính  $100-4$ ;  $100-22$ ;

-Nhận xét.

-Vậy  $100 - 36 = 64$ .

-Nhiều em nhắc lại cách đặt tính và tính.

- Nghe và phân tích đề toán.

-1 em nhắc lại bài toán.

-Thực hiện phép trừ  $100 - 5$

-Vậy  $100 - 5 = 95$

-HS đọc đề bài

-2 em lên bảng làm. Lớp tự làm.

100	100	100	100
-	-	-	-
4	9	22	3
96	91	78	97

- HS nêu

**Bài 2** : Yêu cầu gì ?

-Viết bảng :

$$100 - 20 = ?$$

$$10 \text{ chục} - 2 \text{ chục} = 8 \text{ chục.}$$

$$100 - 20 = 80$$

-100 là mấy chục ?

-20 là mấy chục ?

-10 chục trừ 2 chục là mấy chục ?

-Vậy  $100 - 20 = ?$

-**Nhận xét.**

Bài 3:

- Gọi HS đọc đề bài
- Bài toán cho biết điều gì ?

- Bài toán hỏi gì ?

- Yêu cầu HS suy nghĩ làm bài

- Gọi 1 HS lên bảng làm

- Nhận xét khen ngợi

**Hoạt động 4:Củng cố** :

-Khi đặt tính cột dọc phải chú ý gì ?

-Thực hiện bắt đầu từ đâu ?

-**Nhận xét tiết học.**

-**Tính nhẩm**

- 10 chục.

-2 chục.

-Là 8 chục.

- $100 - 20 = 80.$

-HS làm bài vào vở:

$$100-30=70$$

$$100-40=60$$

$$100-10=90$$

-HS đọc đề bài

- Một cửa hàng buổi sáng bán được 100 hộp sữa , buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 24hộp .

- Hỏi buổi chiều bán được bao nhiêu hộp sữa ?

- HS suy nghĩ làm bài

- HS thực hiện

Giải

Buổi chiều bán được số hộp sữa là :

$$100 - 24 = 76 \text{ ( hộp sữa )}$$

Đáp số : 76 ( hộp sữa )

- **Viết thẳng cột.**

- Tính từ phải sang trái. Bắt đầu từ số đơn vị.

## Tiết 72: Tìm số trừ

### I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :Giúp học sinh :

- Biết tìm x trong các bài tập dạng:  $a - x = b$  ( với a, b là các số có không quá 2 chữ số) bằng sử dụng mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính ( Biết cách tìm số trừ khi biết số bị trừ và hiệu).

- Nhận biết số bị trừ, số trừ, hiệu.

- Biết giải bài toán dạng tìm số trừ chưa biết.

2. Kĩ năng : Rèn làm tính nhanh, giải toán đúng chính xác.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học cho học sinh.

### II/ CHUẨN BỊ :

Hình vẽ SGK phóng to.Kẻ BT2 (cột 1,2,3)lên bảng.

Sách, vở, bảng con, nháp.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b><u>Hoạt động 1:KT bài cũ</u></b> :</p> <p>-Ghi : <math>100 - 8</math>      <math>100 - 49</math> <math>100 - 30</math>      <math>100 - 60</math></p> <p>-Nhận xét. *Giới thiệu bài.</p> <p><b><u>Hoạt động 2:</u></b> Giới thiệu Tìm số trừ. <u>Nêu vấn đề:</u> Có 10 ô vuông, sau khi bớt đi một số ô vuông thì còn lại 6 ô vuông. Hỏi đã bớt đi mấy ô vuông ?</p> <p>-Lúc đầu có tất cả bao nhiêu ô vuông ? -Phải bớt đi bao nhiêu ô vuông ?</p> <p>-Số ô vuông chưa biết ta gọi là x.. -Còn lại bao nhiêu ô vuông ? -10 ô vuông bớt đi x ô vuông còn lại 6 ô vuông, em hãy đọc phép tính tương ứng ? -GV viết bảng : <math>10 - x = 6</math></p> <p>-Muốn biết số ô vuông chưa biết ta làm thế nào ? -GV viết bảng : <math>x = 10 - 6</math></p>	<p>-2 em đặt tính và tính, 2 em tính nhẩm -Lớp bảng con.</p> <p>-Nghe và phân tích đề toán.</p> <p>-Có tất cả 10 ô vuông. -Chưa biết phải bớt đi bao nhiêu ô vuông.</p> <p>-Còn lại 6 ô vuông. <math>10 - x = 6</math></p> <p>-Thực hiện phép tính : <math>10 - 6</math>.</p>

$$x = 4$$

-Em nêu tên gọi trong phép tính  $10 - x = 6$  ?

-Vậy muốn tìm số trừ ta làm thế nào ?

**Hoạt động 3:** Luyện tập .

**Bài 1:** Yêu cầu gì ?

-Muốn tìm số trừ chưa biết ta làm gì ?

-Nhận xét.

**Bài 2**

- Gọi HS đọc đề bài

-Bài toán yêu cầu gì ?

-Ô thứ nhất yêu cầu tìm gì ?

-Muốn tìm hiệu ta làm như thế nào ?

-Ô thứ hai yêu cầu tìm gì ?

- Muốn tìm số trừ ta làm thế nào ?

- Gọi HS lên bảng làm bài

-Nhận xét khen ngợi.

**Bài 3 :** Gọi 1 em đọc đề.

-Bài toán cho biết gì ?

-10 gọi là số bị trừ, x là số trừ, 6 gọi là hiệu.

-Ta lấy số bị trừ trừ đi Hiệu.

-Nhiều em đọc và học thuộc quy tắc.

-Tìm số trừ.

-Lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

-2 em lên bảng làm. Lớp làm vở.

$$\text{a) } 15 - x = 10 \qquad 42 - x = 5$$

$$x = 15 - 10 \qquad x = 42 - 10$$

$$x = 5 \qquad x = 37$$

$$\text{b) } 32 - x = 14 \qquad x - 14 = 18$$

$$x = 32 - 14 \qquad x = 18 + 14$$

$$x = 18 \qquad x = 32$$

-HS đọc đề bài

-Tìm hiệu, số bị trừ, số trừ .

-Tìm hiệu.

-Lấy số bị trừ trừ đi số trừ.

-Tìm số trừ.

-Lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

-HS lên bảng làm bài

Số bị trừ	75	84	58
Số trừ	36	<b>24</b>	<b>24</b>
Hiệu	<b>39</b>	60	34

-1 em đọc đề.

-Có 35 ô tô, rời bến ? ô tô, còn lại : 10 ô tô.

<p>-Bài toán hỏi gì ?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS suy nghĩ làm bài</li> <li>- Gọi 1 HS lên bảng làm</li> </ul> <p><u>Tóm tắt.</u></p> <p>Có : 35 ô tô  Rời bến : ... ô tô?  Còn lại : 10 ô tô.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b><u>Hoạt động 4: Củng cố:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Muốn tìm số trừ em thực hiện như thế nào ?</li> <li>-Nhận xét tiết học.</li> </ul>	<p>-Hỏi số ô tô đã rời bến.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS suy nghĩ làm bài</li> <li>- HS thực hiện</li> </ul> <p><u>Bài giải:</u></p> <p>Số ô tô rời bến là:  <math>35 - 10 = 25</math> (ô tô)</p> <p><u>Đáp số:</u> 25 ô tô.</p> <p>-Lấy số bị trừ trừ đi hiệu.</p>
---	--

## Tiết 73: ĐƯỜNG THẲNG

### I/ MỤC TIÊU :

#### 1. Kiến thức :

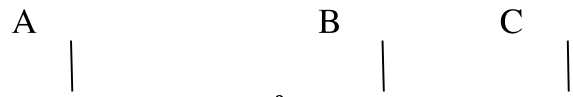
-Nhận dạng được và gọi đúng tên đoạn thẳng, đường thẳng.





**Hoạt động 3 :** Giới thiệu 3 điểm thẳng hàng.

-GV chấm 3 điểm A,B,C trên bảng (chú ý điểm C sao cho cùng nằm trên đường AB).



Khi có đoạn thẳng ta kéo dài đoạn -GV nêu : Ba điểm A,B,C cùng nằm trên một đường thẳng, ta nói A,B,C là ba điểm thẳng hàng.

-GV chấm một điểm D ở ngoài đường thẳng vừa vẽ, em có nhận xét gì ?



**Hoạt động 4:** Luyện tập.

**Bài 1:**

- Gọi 1 HS đọc yêu cầu.
- HDHS lần lượt làm từng phần a, b, c.
- + Câu a: Vẽ đoạn thẳng vào vở chấm điểm như sgk. Ghi tên 2 điểm đó.

Kéo dài đoạn thẳng về hai phía ta được đường thẳng.

Yêu cầu HS vẽ vào vở.

-Nhận xét,.

**Hoạt động 5:Củng cố :**

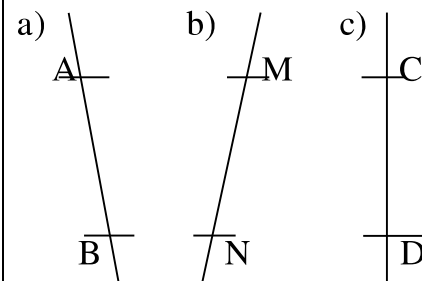
-Vẽ 1 đoạn thẳng, 1 đường thẳng, chấm 3 điểm thẳng hàng với nhau.

-Nhận xét tiết học

- Vài em nhắc lại :Ba điểm A,B,C cùng nằm trên một đường thẳng, ta nói A,B,C là ba điểm thẳng hàng.

- Ba điểm A,B,D không cùng nằm trên một đường thẳng nào, nên ba điểm A,B,D không thẳng hàng.

HS vẽ, đặt tên.



-3 em thực hiện.

## Tiết 74:Luyện tập

### I/ MỤC TIÊU:

#### 1.Kiến thức :

- Thuộc bảng trừ đã học để tính nhẩm.
- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Biết tìm số bị trừ, số trừ.

2.Kĩ năng : Rèn kĩ năng tính nhanh các phép trừ, giải toán đúng.

3.Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

II/ CHUẨN BI :

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b>Hoạt động 1: KT bài cũ :</b> Gọi 2 em lên bảng :</p> <p>-Vẽ 2 đường thẳng đi qua 2 điểm cho trước A,B và nêu cách vẽ. -Nhận xét.</p> <p><b>Hoạt động 2 :</b> Luyện tập.</p> <p><b>Bài 1 :</b> Yêu cầu gì ?</p> <p>-Gọi mỗi HS nối tiếp nhau báo cáo kết quả.</p> <p>- Nhận xét</p> <p><b>Bài 2:</b></p> <p>- Yêu cầu gì ?</p> <p>- Trừ từ đâu sang đâu?</p> <p>-Gọi 2 em lên bảng làm. Lớp tự làm.</p> <p>-Yc 2HS lên bảng nêu cách thực hiện phép tính <math>56 - 18</math>; <math>64 - 27</math> -Nhận xét.</p> <p><b>Bài 3:</b></p> <p>- Yêu cầu gì ? .</p> <p>- x trong ý a,b là gì trong phép trừ ?</p> <p>-Muốn tìm số trừ ta làm thế nào ?</p>	<p>-2 em lên bảng :</p> <p>-Vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm A,B</p> <p>-Nhẩm và ghi kết quả.</p> <p>- <math>12 - 7 = 5</math>      <math>11 - 8 = 3</math>  <math>14 - 7 = 7</math>      <math>13 - 8 = 5</math>  <math>16 - 7 = 9</math>      <math>15 - 8 = 7</math>  <math>14 - 9 = 5</math>      <math>16 - 8 = 8</math>  <math>15 - 9 = 6</math>      <math>17 - 8 = 9</math>  <math>17 - 9 = 8</math>      <math>18 - 9 = 9</math></p> <p>-Đặt tính và tính.</p> <p>- Trừ từ phải sang trái.</p> <p>-2 em lên bảng làm. Lớp tự làm.</p> <p>- <math>\begin{array}{r} 56 \\ - 18 \\ \hline 38 \end{array}</math>      <math>\begin{array}{r} 74 \\ - 29 \\ \hline 45 \end{array}</math>      <math>\begin{array}{r} 93 \\ - 37 \\ \hline 56 \end{array}</math></p> <p>- <math>\begin{array}{r} 38 \\ - 9 \\ \hline 29 \end{array}</math>      <math>\begin{array}{r} 64 \\ - 27 \\ \hline 37 \end{array}</math>      <math>\begin{array}{r} 80 \\ - 23 \\ \hline 57 \end{array}</math></p> <p>-Tìm x.</p> <p>-Là số trừ.</p>

<p>-Nhận xét. -GV viết ý c lên bảng : x là gì trong phép trừ ? -Muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào ?</p> <p>-Nhận xét. <b>Hoạt động 3:Củng cố:</b> Vẽ đoạn thẳng AB, đường thẳng AB. -Nhận xét tiết học. -Dặn dò, xem lại bài đường thẳng</p>	<p>-Lấy số bị trừ trừ đi hiệu. -2 em lên bảng. Lớp làm vở.  <math display="block">32 - x = 18 \qquad 20 - x = 2</math> <math display="block">x = 32 - 18 \qquad x = 20 - 2</math> <math display="block">x = 14 \qquad x = 18</math></p> <p>-x là số bị trừ. -Lấy hiệu cộng số trừ. -1 em lên bảng. Lớp làm vở.  <math display="block">x - 17 = 25</math> <math display="block">x = 25 + 17</math> <math display="block">x = 42</math></p> <p>-1 em lên bảng vẽ.</p>
--	---

## Tiết 75: Luyện tập chung

### I/ MỤC TIÊU :

#### 1.Kiến thức :

- Thuộc bảng trừ đã học để tính nhẩm.
- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Biết tính giá trị của biểu thức số có đến 2 dấu phép tính.
- Biết giải toán với các số có kèm theo đơn vị cm.

#### 2.Kĩ năng : Rèn làm tính nhanh, giải toán đúng.

#### 3.Thái độ : Phát triển tư duy toán học

### II/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
------------------	-------------------

**Hoạt động 1** :Luyện tập.

**Bài 1** : Cho học sinh tự làm bài.

- Gọi 4 HS nêu 4 cột

-Tự làm bài

$$16 - 7 = 9 \qquad 12 - 6 = 6$$

$$11 - 7 = 4 \qquad 13 - 7 = 6$$

$$14 - 8 = 6 \qquad 15 - 6 = 9$$

$$10 - 8 = 2 \qquad 13 - 6 = 7$$

$$17 - 8 = 9 \qquad 15 - 7 = 8$$

$$11 - 4 = 7 \qquad 12 - 3 = 9$$

-Nhận xét.

**Bài 2:**

-Yêu cầu gì ?

-Khi đặt tính phải chú ý điều gì ?

-Đặt tính rồi tính.

-Đặt tính sao cho các hàng thẳng cột với nhau.

-Thực hiện tính bắt đầu từ đâu ?

-Từ hàng đơn vị (từ phải sang trái).

-Gọi 2 em lên bảng làm. Lớp tự làm.

-2 em lên bảng làm. Lớp tự làm.

$$\begin{array}{r} \text{a,} \quad 32 \qquad 44 \\ - \quad 25 \qquad - \quad 8 \\ \hline \qquad 7 \qquad \qquad 36 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b,} \quad 53 \qquad 30 \\ - \quad 29 \qquad - \quad 6 \\ \hline \qquad 24 \qquad \qquad 24 \end{array}$$

-Nêu cách thực hiện các phép tính :

$$32 - 25, 30 - 6$$

-Nhận xét.

- 2 HS làm bảng nêu

**Bài 3:** Yêu cầu gì ?

-Viết :  $42 - 12 - 8$  và hỏi tính từ đâu ?

-Tính.

-Tính từ trái sang phải.

-Gọi 1 em nhắc kết quả.

-1 em nhắc kết quả:  $42 - 12 = 30$ ,  
 $30 - 8 = 22$ .

-Lớp làm bài vào vở.

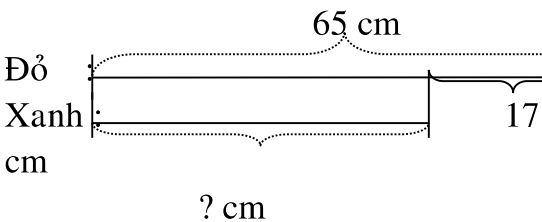
$$42 - 12 - 8 = 22 \qquad 36 + 24 - 28 = 22$$

-Nhận xét.

**Bài 5** : Gọi 1 em đọc đề.

$$58 - 24 - 6 = 28 \qquad 72 - 36 + 24 = 60$$

-Bài toán thuộc dạng gì ? Vì sao ?

<p><u>-Tóm tắt</u></p>  <p>-Nhận xét.</p> <p><b><u>Hoạt động 2:Củng cố:</u></b></p> <p>+ Gọi 4 HS đọc bảng công thức 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p>	<p>-1 em đọc đề.</p> <p>-Bài toán thuộc dạng ít hơn.Vì ngắn hơn là ít hơn.</p> <p><u>Bài giải</u></p> <p>Băng giấy màu xanh dài :  <math>65 - 17 = 48 \text{ (cm)}</math></p> <p><u>Đáp số</u> : 48 cm.</p> <p>+ 4 HS đọc 4 bảng trừ</p>
--	--

## TUẦN 16

### Tiết 76: Ngày giờ

#### I/ MỤC TIÊU:

##### 1. Kiến thức :Giúp học sinh :

- Nhận biết một ngày có 24 giờ, 24 giờ trong một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau.
- Biết các buổi và tên gọi các giờ tương ứng trong một ngày.
- Nhận biết đơn vị đo thời gian : ngày, giờ.
- Biết xem giờ đúng trên đồng hồ.
- Nhận biết thời điểm, khoảng thời gian, các buổi sáng, trưa, chiều, tối, đêm.

##### 2. Kỹ năng : Xem giờ đúng, chính xác.

##### 3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học cho học sinh.

#### II/ CHUẨN BỊ :

GV:Mô hình đồng hồ có kim ngắn, kim dài.

HS: mỗi em một mô hình đồng hồ.Sách.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b>Hoạt động 1: KT bài cũ :</b> Luyện tập phép trừ có nhớ, tìm số trừ.</p> <p>-Ghi : <math>100 - 27</math>      <math>100 - 9</math>  <math>100 - x = 46</math></p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Hoạt động 2:</b> Giới thiệu ngày giờ.</p> <p>-<i>GV truyền đạt</i> : Mỗi ngày có ban ngày và ban đêm, hết ngày rồi lại đến đêm. Ngày nào cũng có buổi sáng, trưa, chiều, tối.</p> <p>-Lúc 5 giờ sáng em đang làm gì ?          -Lúc 11 giờ trưa em đang làm gì ?          -Lúc 3 giờ chiều em đang làm gì ?          -Lúc 8 giờ tối em đang làm gì ?</p> <p>-Mỗi khi HS trả lời GV quay kim trên mặt kim đồng hồ chỉ đúng câu trả lời của HS.</p> <p>-<i>Giảng giải</i> : Một ngày có 24 giờ. Một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau.</p> <p>-Hướng dẫn học sinh đọc bảng phân chia thời gian trong ngày.</p> <p>-2 giờ chiều còn gọi là mấy giờ ?          -23 giờ còn gọi là mấy giờ ?</p> <p>-Phim truyền hình thường được chiếu vào lúc 18 giờ tức là lúc mấy giờ chiều ?          -Đôi khi ta cũng có thể nói 14 giờ, 23 giờ, 20 giờ ....</p> <p>-<i>Trực quan</i> : Đồng hồ minh họa.</p> <p><b>Hoạt động 3:</b> Luyện tập .</p> <p><b>Bài 1 :</b></p> <p>-Gọi 2 em lên bảng. Lớp tự làm.</p> <p>-Đồng hồ thứ nhất chỉ mấy giờ ?          -Điền số mấy vào chỗ chấm ?          -Em tập thể dục lúc mấy giờ ?          -Yêu cầu học sinh làm tương tự phần còn</p>	<p>-2 em đặt tính và tính, tìm x. Lớp bảng con.</p> <p>-Em đang ngủ.          -Em đang ăn cơm .          -Em đang ôn bài ở nhà.          -Em đang xem ti vi.</p> <p>-Vài em đọc lại (trong SGK)</p> <p>-14 giờ.          -11 giờ đêm.          -6 giờ chiều.</p> <p>-Quan sát.</p> <p>-Xem giờ được vẽ trên mặt đồng hồ rồi ghi số chỉ giờ vào chỗ chấm tương ứng.          -Chỉ 6 giờ.          -Số 6.          -Lúc 6 giờ sáng.          -Làm bài:</p>

<p>lại.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p>Bài 2. Thực hiện xem đồng hồ</p> <p>- Nhận xét HS</p> <p><b>Bài 3 :</b> -Gọi 1 HS đọc yêu cầu và mẫu.</p> <p>-GV giới thiệu đồng hồ điện tử sau đó đối chiếu làm.</p> <p>-Nhận xét</p> <p><b>Hoạt động 4:Củng cố :</b></p> <p>- Một ngày có bao nhiêu giờ ? Một ngày bắt đầu và kết thúc như thế nào ? Một ngày có mấy buổi ? Buổi sáng tính từ mấy giờ đến mấy giờ ?</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p>	<p>Em tập thể dục lúc 6 giờ sáng.</p> <p>Mẹ đi làm về lúc 12 giờ trưa.</p> <p>Em chơi đá bóng lúc 5 giờ chiều</p> <p>Lúc 7 giờ tối em xem phim truyền hình.</p> <p>Lúc 10 giờ đêm em đang ngủ.</p> <p>- HS thực hiện xem đồng hồ</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>-Làm bài: 20 giờ còn gọi là 8 giờ tối.</p> <p>-Một ngày có 24 giờ. Một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau...</p>
---	--

## Tiết 77: Thực hành xem đồng hồ

### I/ MỤC TIÊU :

#### 1. Kiến thức :Giúp học sinh :

- Biết xem thời điểm ở thời điểm sáng, chiều, tối.
- Nhận biết số chỉ giờ lớn hơn 12:17 giờ, 23 giờ, .....
- Nhận biết các hoạt động sinh hoạt, học tập thường ngày liên quan đến thời gian.

#### 2. Kỹ năng : Biết xem đồng hồ đúng chính xác.

#### 3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học cho học sinh.

### II/ CHUẨN BỊ :

Tranh bài 1-2 ở sgk. Mô hình đồng hồ có kim quay.

Sách, vở, nháp.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<b>Hoạt động 1 :KT bài cũ :</b>	-Bài:Ngày giờ.



<p>-Một ngày có bao nhiêu giờ ?</p> <p>-Một ngày bắt đầu từ đâu và kết thúc ở đâu ?</p> <p>-Một ngày chia làm mấy buổi ? Buổi sáng tính từ mấy giờ đến mấy giờ ?</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Hoạt động 2:</b> Thực hành.</p> <p><b>Bài 1 :</b> Yêu cầu gì ?</p> <p>-Tranh 1 :Hỏi : Bạn An đi học lúc mấy giờ ?</p> <p>-Đồng hồ nào chỉ lúc 7 giờ sáng ?</p> <p>-Giáo viên đưa mô hình đồng hồ và yêu cầu HS quay kim đến 7 giờ.</p> <p>-Tiến hành tương tự các tranh còn lại.</p> <p>-20 giờ còn gọi là mấy giờ ?</p> <p>-17 giờ còn gọi là mấy giờ chiều ?</p> <p>-Hãy dùng cách nói khác để nói lại An đá bóng và xem phim ?</p> <p>-Kết luận.</p> <p><b>Bài 2 :</b> Gọi HS đọc đề bài</p> <p>Hãy đọc câu hỏi ghi dưới tranh 1 ?</p> <p>-Muốn biết câu nào đúng câu nào sai ta phải làm gì ?</p> <p>-Giờ vào học là mấy giờ ?</p> <p>-Bạn học sinh đi học lúc mấy giờ ?</p> <p>-Bạn đi học sớm hay muộn ?</p> <p>-Câu nào Đ câu nào S?</p> <p>-Hỏi thêm : Để đi học đúng giờ bạn học sinh phải đi học lúc mấy giờ ?</p> <p>-Tiến hành tương tự với các tranh còn lại.</p> <p>- Nhận xét</p> <p>Bài 2. Thực hiện xem đồng hồ</p> <p>- Nhận xét HS</p>	<p>-Một ngày có 24 giờ.</p> <p>-..từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau.</p> <p>-Chia 5 buổi : Buổi sáng từ 1 giờ sáng đến 10 giờ sáng.</p> <p>Đồng hồ nào chỉ thời gian thích hợp với giờ ghi trong tranh.</p> <p>-Bạn An đi học lúc 7 giờ sáng.</p> <p>-Đồng hồ B chỉ 7 giờ sáng.</p> <p>-HS quay kim trên mặt đồng hồ.</p> <p>-Bạn nhận xét thực hành Đ-S.</p> <p>-HS trả lời.</p> <p>-An thức dậy lúc 6 giờ sáng – Đồng hồ A.</p> <p>-An xem phim lúc 20 giờ – Đồng hồ D.</p> <p>17 giờ An đá bóng – Đồng hồ C.</p> <p>-20 giờ còn gọi là 8 giờ tối.</p> <p>-17 giờ còn gọi là 5 giờ chiều.</p> <p>-An xem phim lúc 8 giờ tối, An đá bóng lúc 5 giờ chiều.</p> <p>-HS đọc đề bài</p> <p>-HS đọc câu hỏi ghi dưới tranh 1</p> <p>-Quan sát tranh, đọc giờ quy định trong tranh và xem đồng hồ rồi so sánh.</p> <p>-Là 7 giờ.</p> <p>-Lúc 8 giờ.</p> <p>-Bạn học sinh đi học muộn ?</p> <p>-Câu a (S), câu b (Đ)</p> <p>-Đi học trước 7 giờ để đến trường lúc 7 giờ.</p> <p>-Tranh 2 :Câu c (S), Câu d (Đ).Cửa hàng đóng cửa</p> <p>-Tranh 3 : Câu e (Đ). Bạn Lan tập đàn lúc 20 giờ.Câu c (S)</p> <p>- HS thực hiện xem đồng hồ</p>
--	--

<p><b>Hoạt động 3: Củng cố :</b></p> <p>-13 giờ là mấy giờ ? 21 giờ là mấy giờ tối</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p>	<p>-1 giờ chiều, 9 giờ tối.</p>
---	---------------------------------

## Tiết 78: Ngày, tháng

### I/ MỤC TIÊU :

#### 1. Kiến thức :

- Biết đọc tên các ngày trong tháng.
- Biết xem lịch để xác định số ngày trong tháng nào đó và xác định một ngày nào đó là thứ mấy trong tuần lễ.
- Nhận biết đơn vị đo thời gian: ngày, tháng( biết tháng 11 có 30 ngày, tháng 12 có 31 ngày); ngày, tuần lễ.

2. Kĩ năng : Nhận biết về các đơn vị đo thời gian : ngày, tuần lễ.về thời điểm, khoảng thời gian trả lời được các câu hỏi đơn giản.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

II/ CHUẨN BỊ : GV: tờ lịch tháng 11, tháng 12 có cấu trúc như sgk.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b>Hoạt động 1 : KT bài cũ:</b></p> <p>-Giờ vào học của em là mấy giờ ?</p> <p>-Em đi ngủ lúc mấy giờ tối ?</p> <p>-9 giờ tối còn gọi là mấy giờ ?</p> <p>-GV gọi 1 em lên quay đồng hồ chỉ số giờ trên .</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Hoạt động 2 :</b> Giới thiệu các ngày trong</p>	<p>-7 giờ.</p> <p>-9 giờ tối.</p> <p>-21 giờ.</p> <p>-1 em lên quay đồng hồ.</p>

tháng.

-Trực quan : treo tờ lịch tháng 11.

11	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư
	3	4	5
	10	11	12
	17	18	19
	24	25	26

-Giới thiệu : Đây là tờ lịch ghi các ngày trong tháng 11. Giáo viên khoanh vào số 20 và nói : Ngày vừa khoanh là ngày mấy trong tháng 11 ? và ứng với thứ mấy trong tuần lễ ?

-GV nói : Ngày vừa khoanh đọc là ngày 20 tháng 11.

-GV viết bảng : Ngày 20 tháng 11.

-GV : chỉ bất kì ngày nào trong tờ lịch và yêu cầu HS đọc đúng tên các ngày đó.

-Cột ngoài cùng ghi số chỉ tháng (trong năm). Dòng thứ nhất ghi tên các ngày trong tuần lễ. Các ô còn lại ghi số chỉ các ngày trong tháng.

-Mỗi tờ lịch như một cái bảng có các cột và các dòng. Cùng cột với ngày 20 tháng 11 là thứ năm nên ta đọc “Ngày 20 tháng 11 là thứ năm, hoặc thứ năm ngày 20 tháng 11”

-GV : Tháng 11 bắt đầu từ ngày 1 và kết thúc vào ngày 30.

-Vậy tháng 11 có bao nhiêu ngày ?

-Em hãy đọc tên các ngày trong tháng 11 ?

-Ngày 26 tháng 11 là ngày thứ mấy ?

**Hoạt động 3:** Luyện tập.

**Bài 1:**

-GV nêu câu bài.

- Gọi 1 HS đọc mẫu.

- GV nhắc lại cách viết ngày 7 tháng 11.

- Yêu cầu HS làm bài

-Quan sát.

Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
		1	2
6	7	8	9
13	14	15	16
20	21	22	23
27	28	29	30

-Theo dõi.

-“Ngày 20 tháng 11 là thứ năm, hoặc thứ năm ngày 20 tháng 11”

-Tháng 11 có 30 ngày.

- Vài em đọc.

-Thứ tư.

- Lắng nghe

- HS đọc mẫu

- Lắng nghe

-Tự làm bài .

Đọc	viết
Ngày bảy tháng mười một	Ngày 7 tháng 11

Ngày mười lăm tháng mười một	Ngày 15 tháng 11
Ngày hai mươi tháng mười một	Ngày 20 tháng 11
Ngày ba mươi tháng mười một	Ngày 30 tháng 11

\* **Kết luận:** Khi đọc hay viết các ngày trong tháng ta đọc ( viết) ngày trước tháng sau.

**Bài 2 :** Trục quan : Tờ lịch tháng 12. a.Yêu cầu gì ?

12	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư
	1	2	3
	8	9	10
	15	16	17
	22	23	24
	29	30	31

-Tháng 12 có bao nhiêu ngày ?

b) -22/12 là thứ mấy ?

-25/12 là thứ mấy ?

-Tháng 12 có mấy ngày chủ nhật ?

-GV khoanh tròn ngày 19 tháng 12. Yêu cầu HS nhìn vào bảng lịch và trả lời câu hỏi : Thứ sáu liền sau ngày 19 tháng 12 là ngày nào ?

-Thứ sáu liền trước ngày 19 tháng 12 là ngày nào ?

-Nhận xét.

**Hoạt động 4:Củng cố :**

-Tháng 11 có bao nhiêu ngày ?

- Thứ sáu liền sau ngày 20 tháng 12 là ngày

-Quan sát tờ lịch tháng 12 rồi nêu tiếp các ngày còn thiếu.

- Hs điền chì vào sgk

Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
4	5	6	7
11	12	13	14
18	19	20	21
25	26	27	28

-Có 31 ngày.

-HS đọc : Ngày 22/12 là thứ hai.

-25/12 là thứ năm.

-Đếm số ngày chủ nhật trong tháng và nêu : có 4 ngày chủ nhật các ngày chủ nhật đó là: 7, 14, 21, 28.

-Theo dõi và trả lời : là ngày 26 tháng 12.

-là ngày 12 tháng 12.

-Có 30 ngày.

-Là ngày 27 tháng 12.

nào ? -Nhận xét tiết học.	
------------------------------	--

## Tiết 79:Thực hành xem lịch

### I/ MỤC TIÊU:

1.Kiến thức : Giúp học sinh :

- Biết xem lịch để xác định số ngày trong tháng nào đó và xác định một ngày nào đó là thứ mấy trong tuần lễ.

2.Kĩ năng : Rèn kĩ năng xem lịch tháng.

3.Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II/ CHUẨN BỊ :

-Lịch tranh tháng 1&4 năm 2004.( có cấu trúc như sgk)

-Sách toán, vở, bảng con, nháp.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV				HOẠT ĐỘNG CỦA HS.			
<p><b>Hoạt động 1: KT bài cũ :</b></p> <p>- Tháng 11 có bao nhiêu ngày? - Tháng 12 có bao nhiêu ngày? -Nhận xét.</p> <p><b>Hoạt động 2 :</b> Luyện tập.</p> <p><b>Bài 1:</b></p> <p>- Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài. -Trực quan : Tờ lịch tranh tháng 1.</p>				<p>- Tháng 11 có 30 ngày. - Tháng 12 có 31 ngày</p> <p>-Quan sát, ghi tiếp các ngày còn thiếu vào tờ lịch trong tháng 1.</p>			
1	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
				1	2	3	4
	5	6	7	8	9	10	11
	12	13	14	15	16	17	18

	19	20	21
	26	27	28

- Tháng 1 có bao nhiêu ngày?
- Gọi 2 HS đọc lại các ngày trong tháng 1.
- Nhận xét

**Bài 2:** Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài.

-Trực quan : Tờ lịch tranh tháng 4.

4	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư
	5	6	7
	12	13	14
	19	20	21
	26	27	28

-Nhận xét

**Bài 2 :** Yêu cầu gì ?

- Gợi ý : Một tuần có mấy ngày ?
- Thứ sáu trong tháng 4 là các ngày nào tính theo cách tuần
- Hướng dẫn tương tự với ngày thứ ba (các ngày cùng cột thứ ba).
- Thứ ba tuần trước ngày 20 là ngày nào ?
- Thứ ba tuần sau ngày 20 tháng 4 là ngày nào ?
- Khoanh vào ngày 30 tháng 4. Nhìn vào tờ lịch xem ngày đó ở cột thứ mấy ?
- Tháng 4 có bao nhiêu ngày?

**Hoạt động 3 :Củng cố:**

-Các ngày thứ tư trong tháng 1 năm 2004 là những ngày nào ?

22	23	<b>24</b>	<b>25</b>
29	<b>30</b>	31	

- Tháng 1 có 31 ngày.
- HS thực hiện

-1 HS đọc yêu cầu bài

Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
1	2	3	<b>4</b>
8	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>
15	16	17	<b>18</b>
22	23	24	<b>25</b>
29	30		

-Nhìn vào cột thứ sáu rồi liệt kê ngày đó ra.

-Một tuần có 7 ngày.

-Là các ngày : ngày 2, ngày 9, ngày 16, ngày 23, ngày 30.

-Khoanh vào ngày thứ ba ngày 20 tháng 4.

-Là ngày 13 tháng 4.

-Là ngày 27 tháng 4.

-30 tháng 4 là ngày thứ sáu.

- Tháng 4 có 30 ngày.

-Ngày 7, 14, 21, 28.

-Nhận xét tiết học. -Tuyên dương, nhắc nhở.	
--	--

## Tiết 80: Luyện tập chung

### I/ MỤC TIÊU :

#### 1. Kiến thức :

- Biết các đơn vị đo thời gian: ngày, giờ; ngày, tháng.
- Biết xem lịch.

2. Kĩ năng : Biết xem giờ đúng, xem lịch tháng thành thạo.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II/ CHUẨN BỊ :

GV: Tờ lịch tháng 5 có cấu trúc như mẫu vẽ ở sgk. Mô hình đồng hồ  
Sử dụng tranh trong bài.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><b>Hoạt động 1:</b>Luyện tập.</p> <p><b>Bài 1 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài Yêu cầu gì?</li> <li>Cho học sinh tự làm bài.</li> <li>-Hướng dẫn trả lời trong SGK.</li> <li>-Đồng hồ nào ứng với em tưới cây 5 giờ chiều?</li> <li>-Em đang học ở trường lúc 8 giờ sáng ứng với đồng hồ nào ?</li> <li>-Cả nhà ăn cơm lúc 6 giờ chiều ứng với đồng hồ nào ?</li> <li>-Em đi ngủ lúc 21 giờ ứng với đồng hồ nào ?</li> </ul>	<p>Đồng hồ nào ứng với mỗi câu sau.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS mở SGK/ Tr 80.</li> <li>-Đồng hồ D.</li> <li>b)Đồng hồ A.</li> <li>c)Đồng hồ C.</li> <li>d)Đồng hồ B.</li> </ul>

-GV: 17 giờ hay 5 giờ chiều, 6 giờ chiều hay 18 giờ...

-Nhận xét.

**Bài 2:** Phần a yêu cầu gì ?

5	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư
	3	4	5
	1	1	1
	0	1	2
	1	1	1
	7	8	9
	2	2	2
4	5	6	
3			
1			

- Gọi 2 HS đọc lại tờ lịch tháng 5.

-Tháng 5 có bao nhiêu ngày?

-Phần b yêu cầu gì ?

-Ngày 1 tháng 5 là thứ mấy ?

-Em hãy liệt kê các ngày thứ bảy trong tháng 5 ?

-Cho HS xem các ngày ở cột “thứ tư”.

-Thứ tư tuần này là 12/5, thì thứ tư tuần trước và tuần sau sẽ là ngày mấy ?

-Ngày 19 tháng 5 là thứ mấy ?

-Các thứ hai trong tháng 5 là

-Nối mỗi câu với đồng hồ chỉ thời gian thích hợp với nội dung đó vào sgk.

-Đọc tên các ngày trong tháng và điền các số còn thiếu vào tờ lịch tháng 5.

HS làm bài vào vở:

Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
		1	2
6	7	8	9
13	14	15	16
20	21	22	23
27	28	29	30

-Tháng 5 có 31 ngày.

-Dựa vào tờ lịch tháng 5 đã cho để nhận xét.

-Thứ bảy.

-HS dựa vào cột thứ bảy trong lịch tháng 5 nêu :Ngày 1, ngày 8, ngày 15, ngày 22, ngày 29. Có 5 ngày thứ bảy.

-Quan sát và nêu nhận xét.

-Là ngày 5 tháng 5 và 19 tháng 5.

-Thứ hai.

-Ngày 5, 12, 19, 26.



những ngày nào ? -Thứ bảy tuần này là 15 tháng 5. Thứ bảy tuần trước, tuần sau là ngày nào ? -Nhận xét. <b>Hoạt động 2:Củng cố:</b> - GV quay kim trên mô hình đồng hồ ( giờ đúng) yêu cầu HS trả lời. -Nhận xét tiết học.	-Là ngày 8 tháng 5 và 22 tháng 5  - HS thực hiện.
--	---

## TUẦN 17

### Tiết 81: Ôn tập về phép cộng và phép trừ

#### I/ MỤC TIÊU :

- Kiến thức** :-Thuộc bảng cộng, trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm.  
- Thực hiện được phép cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.  
- Biết giải bài toán về nhiều hơn.
- Kĩ năng** : Rèn tính nhanh, đúng, chính xác.
- Thái độ** : Phát triển tư duy toán học cho học sinh.

#### II/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<b>Hoạt động 1: Luyện tập:</b> <b>Bài 1:</b> Yêu cầu gì ? -Viết bảng : $9 + 7 = ?$ -Viết tiếp : $7 + 9 = ?$ có cần nhẩm để tìm kết quả ? Vì sao ?  -Viết tiếp : $16 - 9 = ?$ $-9 + 7 = 16$ có cần nhẩm để tìm $16 - 9$ ? vì sao ? -Đọc kết quả $16 - 7$ ? -Yêu cầu học sinh làm tiếp.	-Tính nhẩm. -Nhẩm, báo kết quả: $9 + 7 = 16$ . -Không cần vì đã biết : $9 + 7 = 16$ , có thể ghi ngay $7 + 9 = 16$ . Vì khi đổi chỗ các số hạng thì tổng không đổi. -Nhẩm : $16 - 9 = 7$ . -Không cần vì khi lấy tổng trừ đi số hạng này sẽ được số hạng kia. $-16 - 7 = 9$ . -Làm vở . $9 + 7 = 16$ $8 + 4 = 12$ $7 + 9 = 16$ $4 + 8 = 12$ $16 - 9 = 7$ $12 - 8 = 4$ $16 - 7 = 9$ $12 - 4 = 8$ $5 + 6 = 11$ $2 + 9 = 11$ $6 + 5 = 11$ $9 + 2 = 11$

<p>-Nhận xét.</p> <p><b>Bài 2:</b> Yêu cầu gì ?</p> <p>-Khi đặt tính phải chú ý gì ?</p> <p>-Bắt đầu tính từ đâu ?</p>	$11 - 6 = 5$ $11 - 5 = 6$ $11 - 2 = 9$ $11 - 9 = 2$ <p>-Đặt tính rồi tính.</p> <p>-Đặt sao cho đơn vị thẳng cột với đơn vị, chục thẳng cột với chục.</p> <p>-Từ hàng đơn vị..</p> <p>-2 em lên bảng làm. Lớp làm vở.</p> <table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td><math>+ \begin{array}{r} 38 \\ 42 \\ \hline 80 \end{array}</math></td> <td><math>+ \begin{array}{r} 47 \\ 35 \\ \hline 82 \end{array}</math></td> <td><math>+ \begin{array}{r} 36 \\ 64 \\ \hline 100 \end{array}</math></td> </tr> <tr> <td><math>- \begin{array}{r} 81 \\ 27 \\ \hline 54 \end{array}</math></td> <td><math>- \begin{array}{r} 63 \\ 18 \\ \hline 45 \end{array}</math></td> <td><math>- \begin{array}{r} 100 \\ 42 \\ \hline 058 \end{array}</math></td> </tr> </table>	$+ \begin{array}{r} 38 \\ 42 \\ \hline 80 \end{array}$	$+ \begin{array}{r} 47 \\ 35 \\ \hline 82 \end{array}$	$+ \begin{array}{r} 36 \\ 64 \\ \hline 100 \end{array}$	$- \begin{array}{r} 81 \\ 27 \\ \hline 54 \end{array}$	$- \begin{array}{r} 63 \\ 18 \\ \hline 45 \end{array}$	$- \begin{array}{r} 100 \\ 42 \\ \hline 058 \end{array}$
$+ \begin{array}{r} 38 \\ 42 \\ \hline 80 \end{array}$	$+ \begin{array}{r} 47 \\ 35 \\ \hline 82 \end{array}$	$+ \begin{array}{r} 36 \\ 64 \\ \hline 100 \end{array}$					
$- \begin{array}{r} 81 \\ 27 \\ \hline 54 \end{array}$	$- \begin{array}{r} 63 \\ 18 \\ \hline 45 \end{array}$	$- \begin{array}{r} 100 \\ 42 \\ \hline 058 \end{array}$					
<p>-Nhận xét.</p> <p><b>Bài 3:</b> Yêu cầu gì ?</p> <p>-Viết bảng :</p> <p><math>-9 + 1 \rightarrow \square + 7 \rightarrow \square</math></p> <p><math>9 + 8 =</math></p> <p><math>9 + 1</math> bằng mấy?</p> <p><math>10 + 7</math> bằng mấy?</p> <p>-Hãy so sánh <math>1 + 7</math> và <math>8</math> ?</p> <p>-Vậy <math>9 + 1 + 7 = 17</math> có cần nhắm <math>9 + 8</math> không vì sao ?</p> <p>-Kết luận : Khi cộng một số với một tổng cũng bằng cộng số ấy với các số hạng của tổng.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Bài 4 :</b> Gọi 1 em đọc đề.</p> <p>-Bài toán cho biết gì ?</p> <p>-Bài toán hỏi gì ?</p> <p style="padding-left: 40px;">-Tóm tắt .</p> <p>Lớp 2A trồng : 48 cây</p> <p>Lớp 2B trồng nhiều hơn 2A : 12 cây</p> <p>Lớp 2B : ...cây?</p>	<p>- Nhắm rồi ghi kết quả vào ô trống và sau dấu bằng.</p> <p><math>9 + 1 = 10</math></p> <p><math>10 + 7 = 17</math></p> <p><math>-1 + 7 = 8.</math></p> <p>-Không cần vì <math>9 + 8 = 9 + 1 + 7</math> ta ghi ngay kết quả là 17.</p> <p>-2 em nhắc lại.</p> <p>-1 em đọc đề.</p> <p>-Lớp 2A trồng được 48 cây. Lớp 2B trồng nhiều hơn 12 cây.</p> <p>-Số cây lớp 2B trồng được..</p>						

-Bài toán thuộc dạng gì ? -Yêu cầu HS giải  -Nhận xét, <b>Hoạt động 2: Củng cố :</b> Nhận xét tiết học...	-Bài toán về nhiều hơn <b>Bài giải:</b> Số cây lớp 2B trồng được $48 + 12 = 60$ (cây) <b>Đáp số :</b> 60 cây.
--	---

## **Tiết 82 : Ôn tập về phép cộng và trừ (tt)**

### I/ MỤC TIÊU :

#### 1. Kiến thức :

- Thuộc bảng cộng, trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm.
- Thực hiện được phép cộng trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Biết giải bài toán về ít hơn.

2. **Kĩ năng** : Cộng trừ nhẩm, và cộng trừ viết đúng, nhanh chính xác.

3. **Thái độ** : Phát triển tư duy toán học cho học sinh.

### II/ CHUẨN BỊ :

1. **Giáo viên** : Ghi bảng bài 4.

2. **Học sinh** : Sách, vở, nháp.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<b>Hoạt động 1 : KT bài cũ :</b> -Ghi bảng : $91 - 37$ $85 - 49$ $39 + 16$  -Nhận xét. <b>Hoạt động 2:</b> Ôn tập. <b>Bài 1 :</b> Yêu cầu gì ? -Yêu cầu HS tự nhẩm. Và cho HS nêu nhanh kết quả.	-3 em lên bảng tính. -Lớp làm bảng con.  Tính nhẩm Tự nhẩm, nhiều em nối tiếp báo kết quả. $12 - 6 = 6$ $6 + 6 = 12$ $9 + 9 = 18$ $13 - 5 = 8$ $14 - 7 = 7$ $8 + 7 = 15$ $17 - 8 = 9$ $16 - 8 = 8$ $17 - 9 = 8$ $5 + 7 = 12$ $8 + 8 = 16$ $13 - 8 = 5$ $11 - 8 = 3$ $2 + 9 = 11$ $4 + 7 = 11$ $12 - 6 = 6$

- Nhận xét

**Bài 2:** Yêu cầu gì ?

- Gọi 2 em lên bảng làm

-Yc HS nêu cách thực hiện phép tính :

$56 + 44, 100 - 7.$

-Nhận xét

**Bài 3:** Yêu cầu làm gì ?

-Viết bảng :

$17 - 3 \rightarrow \square - 6 \rightarrow \square$

-Điền mấy vào ô trống ?

-Ở đây ta thực hiện liên tiếp mấy phép trừ ?

Thực hiện từ đâu ?

-Viết :  $17 - 3 - 6 = ?$

- Viết  $17 - 9 = ?$  và yêu cầu HS nhắm.

**-Kết luận :**  $17 - 3 - 6 = 17 - 9$  vì khi trừ đi một tổng ta có thể thực hiện trừ liên tiếp các số hạng của tổng.

Nhận xét.

**Bài 4 :** Gọi 1 em đọc đề.

-Bài toán cho biết gì ?

-Bài toán hỏi gì ?

-Đặt tính và tính.

-2 em lên bảng làm

-2 em lên bảng làm. Lớp tự làm.

$$\begin{array}{r} + \quad 68 \\ \quad 27 \\ \hline 95 \end{array} \qquad \begin{array}{r} + \quad 56 \\ \quad 44 \\ \hline 100 \end{array} \qquad \begin{array}{r} - \quad 82 \\ \quad 48 \\ \hline 34 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} - \quad 90 \\ \quad 32 \\ \hline 58 \end{array} \qquad \begin{array}{r} - \quad 71 \\ \quad 25 \\ \hline 46 \end{array} \qquad \begin{array}{r} - \quad 100 \\ \quad 7 \\ \hline 093 \end{array}$$

-2 em trả lời.

-Điền số thích hợp.

-Điền 14 vì  $17 - 3 = 14$

-Điền 8 vì  $14 - 6 = 8$

-2 phép trừ, thực hiện từ trái sang phải.

-HS nhắm kết quả :

$17 - 3 = 14, 14 - 6 = 8$

-  $17 - 9 = 8$

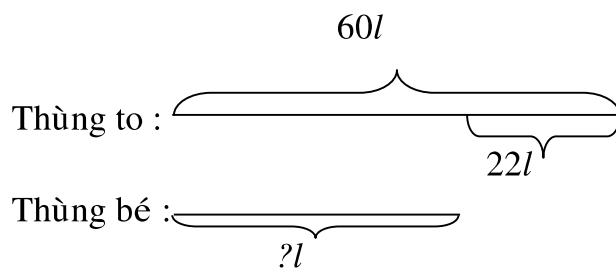
-Vài em nhắc lại.

-1 em đọc đề.

-Thùng to 60 lít, thùng bé ít hơn 22 lít.

-Thùng bé đựng bao nhiêu lít.

Tóm tắt:



- Bài toán thuộc dạng gì ?
- Yêu cầu HS làm bài

-Nhận xét

**Hoạt động 3: Củng cố :**

- HDHS củng cố lại bài...
- Giáo dục tính cẩn thận khi làm tính.
- Nhận xét tiết học... -Dặn dò- Học bài.

Bài toán thuộc dạng toán ít hơn  
- HS làm

Bài giải

Thùng nhỏ đựng là:

$$60 - 22 = 38 (l)$$

Đáp số: 38 l nước.

## Tiết 83 : Ôn tập phép cộng trừ (tt)

### I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức : Giúp học sinh :

- Thuộc bảng cộng, trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm.
- Thực hiện được phép cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Biết giải bài toán về ít hơn, tìm số bị trừ, số trừ, số hạng của một tổng.

2. Kỹ năng : Rèn tính nhanh, đúng chính xác.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

<i>HOẠT ĐỘNG CỦA GV</i>	<i>HOẠT ĐỘNG CỦA HS</i>
<p><b>Hoạt động 1 :</b> Ôn tập.</p> <p>Bài 1 :</p> <p>a) Yêu cầu HS nhẩm và ghi kết quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 3 em lên bảng làm.</li> </ul> <p>- So sánh kết quả <math>9 + 5</math>; <math>5 + 9</math>? Vì sao?</p> <p>b) Gọi 2 HS nêu kết quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét</li> </ul> <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi đặt tính cần chú ý điều gì?</li> <li>- Tính từ đâu sang đâu?</li> <li>- Gọi 2 em lên bảng làm.</li> </ul> <p>- Nêu cách đặt tính và tính : <math>36 + 36</math>; <math>100 - 2</math>,</p>	<p><i>- Tự làm bài.</i></p> <p><math>5 + 9 = 14</math>   <math>8 + 6 = 14</math>   <math>3 + 9 = 12</math>  <math>9 + 5 = 14</math>   <math>6 + 8 = 14</math>   <math>9 + 3 = 12</math></p> <p>- Kết quả đều là 14. vì khi đổi chỗ các số hạng thì tổng không thay đổi.</p> <p><math>14 - 7 = 7</math>   <math>12 - 6 = 6</math>   <math>14 - 5 = 9</math>  <math>16 - 8 = 8</math>   <math>18 - 9 = 9</math>   <math>17 - 8 = 8</math></p> <p>- Viết thẳng cột</p> <p>- Tính từ phải sang trái</p> <p>- 2 em lên bảng làm</p> <p>- 2 em lên bảng làm. Lớp tự làm.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-start;"> <div style="text-align: center;"> <math display="block">\begin{array}{r} 36 \\ + 36 \\ \hline 72 \end{array}</math> </div> <div style="text-align: center;"> <math display="block">\begin{array}{r} 100 \\ - 75 \\ \hline 025 \end{array}</math> </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-start; margin-top: 20px;"> <div style="text-align: center;"> <math display="block">\begin{array}{r} 100 \\ - 2 \\ \hline 098 \end{array}</math> </div> <div style="text-align: center;"> <math display="block">\begin{array}{r} 45 \\ + 45 \\ \hline 90 \end{array}</math> </div> </div> <p>- 2 em Nêu cách đặt tính và tính.</p>

-Nhận xét.

**Bài 3:** Yêu cầu gì ?

-GV viết bảng :  $x + 16 = 20$

- x là gì trong phép cộng  $x + 16 = 20$  ?

-Muốn tìm số hạng chưa biết ta làm như thế nào ?

-Viết tiếp :  $x - 28 = 14$ .

-x là gì trong phép trừ  $x - 28 = 14$  ?

-Muốn tìm số bị trừ ta làm như thế nào ?

-Viết tiếp :  $52 - x = 15$

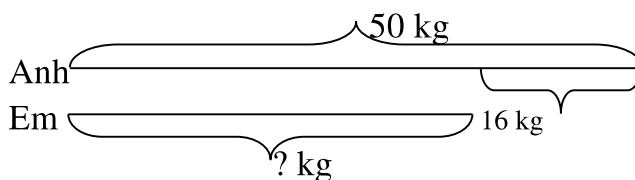
-Tại sao  $x = 52 - 17$  ?

Nhận xét.

**Bài 4 :**

Gọi 1 HS đọc đề bài.

Hỏi kết hợp tóm tắt lên bảng.



Nhẹ hơn có nghĩa là ít hơn.

Gọi 1 HS lên bảng giải.

**Hoạt động 2 :Củng cố:**

-Giáo dục tính cẩn thận khi làm tính.

- Nhận xét tiết học...

-Tìm x.

-Theo dõi.

- x là số hạng chưa biết.

- Lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.

- 1 em làm  $x + 16 = 20$

$$x = 20 - 16$$

$$x = 4$$

- x là số bị trừ.

- Lấy hiệu cộng với số trừ.

- HS thực hiện.

$$x - 28 = 14$$

$$x = 14 + 28$$

$$x = 42$$

-Học sinh tự làm.

$$52 - x = 15$$

$$x = 52 - 17$$

$$x = 37$$

-Vì x là số trừ. Lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

**Bài giải:**

Em cân nặng là:

$$50 - 16 = 34 \text{ ( kg)}$$

**Đáp số:** 34 kg.

## Tiết 84 : Ôn tập về hình học

### I/ MỤC TIÊU:

#### 1. Kiến thức : Giúp học sinh :

- Nhận dạng được và gọi đúng tên hình tứ giác, hình chữ nhật.
- Biết vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.
- Biết vẽ hình theo mẫu.
- Tiếp tục củng cố về xác định vị trí các điểm trên lưới ô vuông trong vở HS để vẽ hình.

#### 2. Kỹ năng : Rèn kỹ năng nhận dạng hình đúng gọi tên hình và vẽ đoạn thẳng chính xác.

#### 3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II/ CHUẨN BỊ :

#### 1. Giáo viên : thước thẳng, kẻ BT1, BT4 lên bảng.

#### 2. Học sinh : Sách toán, vở, bảng con, nháp.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b>Hoạt động 1 : KT bài cũ :</b> Cho HS làm phiếu.</p> <p style="text-align: center;">A.-----.B</p> <ul style="list-style-type: none"><li>-Vẽ đoạn thẳng AB.</li><li>-Vẽ đoạn thẳng CD dài hơn đoạn thẳng AB 4 cm</li><li>-Vẽ đoạn thẳng MN ngắn hơn đoạn thẳng AB 2 cm.</li><li>-Nhận xét</li></ul> <p><b>Hoạt động2:</b> ôn tập.</p> <p>Bài 1 : Vẽ các hình lên bảng.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>-Có bao nhiêu hình tam giác ? Đó là hình nào ?</li><li>- Có bao nhiêu hình vuông ? Đó là hình nào ?</li><li>- Có bao nhiêu hình chữ nhật ? Đó là hình nào ?</li><li>-Hình vuông có phải là hình chữ nhật không ?</li><li>-Có bao nhiêu hình tứ giác ?</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>-Làm phiếu BT.</li>       <li>-Quan sát hình.</li><li>-Có 1 hình tam giác, hình a.</li> <li>-Có 2 hình vuông : hình d, g</li><li>-Có 1 hình chữ nhật, hình e.</li> <li>-Hình vuông là hình chữ nhật đặc biệt. Vậy có tất cả 3 hình chữ nhật.</li><li>-Có 2 hình tứ giác, hình b, c.</li><li>-Có 5 hình tứ giác. Đó là hình : b,c,d,e,g.</li></ul>



-Hình chữ nhật, hình vuông là hình tứ giác đặc biệt. Vậy có bao nhiêu hình tứ giác ?

- Nhận xét

**Bài 2:** Phần a yêu cầu gì ?

-Hãy nêu cách vẽ đoạn thẳng có độ dài 8 cm ?

-Yêu cầu HS thực hành vẽ.

- Nhận xét

**Bài 4 :** Yêu cầu HS tự vẽ.

-Hình vẽ được là hình gì ?

-Hình ngôi nhà gồm những hình nào ghép lại ?

-Gọi 1 em lên chỉ.

-Nhận xét.

**Hoạt động 3: Củng cố:**

HDHS củng cố lại bài..

-Nhận xét tiết học.

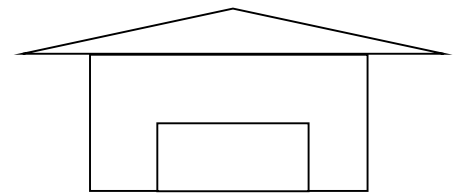
Dặn dò, ôn lại về các hình đã học..

-Vẽ đoạn thẳng có độ dài 8 cm.

-Chấm 1 điểm trên giấy. Đặt vạch 0 của thước trùng với điểm chấm. Tìm độ dài 8 cm, sau đó chấm điểm thứ hai. Nối 2 điểm với nhau ta được đoạn thẳng 8 cm.

-Học sinh vẽ vào vở .

-Học sinh tự vẽ hình theo mẫu.



-Hình ngôi nhà.

-Có 1 hình tam giác, 2 hình chữ nhật.

-1 em lên chỉ hình tam giác, hình chữ nhật.

-Ôn lại các hình đã học.

# Tiết 85 : Ôn tập về đo lường

## I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức : Giúp học sinh củng cố về :

- Biết cách xác định khối lượng qua sử dụng cân.
- Biết xem lịch để xác định số ngày trong tháng nào đó và xác định một ngày nào đó là thứ mấy trong tuần.
- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ 12.

2. Kĩ năng : Biết xem giờ đúng, xem lịch tháng thành thạo.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

## II/ CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên : Mô hình đồng hồ, tờ lịch tháng 10, 11 như sgk, tờ lịch cả năm.

2. Học sinh : Sách toán, vở, bảng con, nháp.

## III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><b>Hoạt động 1 :KT bài cũ :</b> Cho học sinh làm phiếu.</p> <p>-Nói :</p> <p>-Em tập thể dục lúc 10 giờ đêm</p> <p>-Em đi ngủ lúc 5 giờ chiều.</p> <p>-Em chơi thả diều lúc 6 giờ sáng.</p> <p>-Em học bài lúc 8 giờ tối.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Hoạt động 2 :</b>Luyện tập.</p> <p><b>Bài 1 :</b></p> <p>Gọi 1 Hs đọc đề bài</p> <p>HD HS quan sát tranh ở sgk</p> <p>Cho học sinh tự làm bài.</p> <p>-Hướng dẫn trả lời trong SGK</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Bài 2:</b> :Yêu cầu gì ?</p> <p>-Trực quan : Lịch</p> <p>Yc chia nhóm 4</p>	<p>-Học sinh làm phiếu.</p> <p>-Nói :</p> <p>-Em tập thể dục lúc 10 giờ đêm</p> <p>-Em đi ngủ lúc 5 giờ chiều.</p> <p>-Em chơi thả diều lúc 6 giờ sáng.</p> <p>-Em học bài lúc 8 giờ tối.</p> <p>-1 Hs đọc đề bài</p> <p>-Quan sát tranh tự làm bài vào vở:</p> <p>-Con vịt cân nặng 3 kg.</p> <p>-Gói đường cân nặng 4 kg.</p> <p>-Lan cân nặng 30 kg.</p> <p>Xem tờ lịch rồi cho biết:...</p> <p>- Quan sát</p> <p>-Chia nhóm.</p>

<p>-Phát cho mỗi nhóm phiếu giao việc.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b><u>Bài 3</u></b>,:Yêu cầu gì ?</p> <p>-Nhận xét.</p> <p>- Ngày 1 tháng 10 là ngày gì?</p> <p><b><u>Bài 4</u></b> :</p> <p>-HD học sinh quan sát tranh, đồng hồ ở sgk.</p> <p>a) Các bạn chào cờ lúc mấy giờ ? Gv quay kim mô hình đồng hồ chỉ 7 giờ.</p> <p>b) Các bạn tập thể dục lúc mấy giờ ? Gv quay kim mô hình đồng hồ chỉ 9 giờ.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b><u>Hoạt động 3 :Củng cố:</u></b></p> <p>- Em biết những tháng nào trong năm có 30 ngày?</p> <p>- Em biết những tháng nào trong năm có 31 ngày?</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p>	<p>-Mỗi nhóm quan sát tờ lịch ở sgk rồi làm bài theo yêu cầu.</p> <p>a) Tháng 10 có 31 ngày. Có 4 ngày chủ nhật. Đó là các ngày: 5, 12, 19, 26.</p> <p>b) Tháng 11 có 30 ngày. Có 5 ngày chủ nhật. Đó là các ngày: 2, 9, 16, 23, 30.</p> <p>-Cử người trình bày.</p> <p>Xem tờ lịch ở bài 2 rồi cho biết:</p> <p>a)Ngày 1 tháng 10 là thứ tư Ngày 10 tháng 10 là thứ sáu.</p> <p>b) Ngày 20 tháng 11 là thứ năm Ngày 30 tháng 11 là chủ nhật.</p> <p>- Ngày 1 tháng10 là ngày Quốc tế Người cao tuổi.</p> <p>-HS quan sát trả lời.</p> <p>Các bạn chào cờ lúc 7 giờ sáng. HS xem giờ.</p> <p>Các bạn tập thể dục lúc 9 giờ sáng. HS xem giờ</p> <p>-HS tự thực hành quay đồng hồ.</p> <p>- Những tháng có 30 ngày là: tháng 4,tháng 6,tháng 9,tháng 11.</p> <p>- Những tháng có 31 ngày là: tháng 1,tháng 3,tháng 5,tháng 7,tháng 8, tháng 10,tháng 12.</p>
--	---

# TUẦN 18

## Tiết 86 : Ôn tập về giải toán

### I/ MỤC TIÊU :ung

#### 1. Kiến thức :Giúp học sinh :

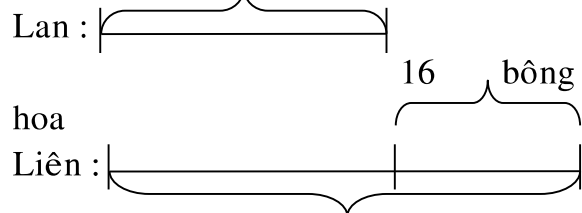
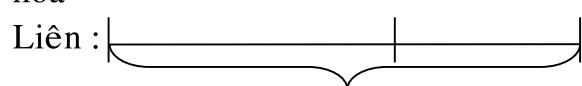
-Biết tự giải được các bài toán bằng một phép tính cộng hoặc trừ trong đó có các bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị.

2. Kĩ năng : Rèn giải toán nhanh, đúng, chính xác.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học cho học sinh.

### II/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b>Hoạt động 1:</b> Ôn tập.</p> <p><b>Bài 1:</b> Gọi 1 em đọc đề.</p> <p>-Bài toán cho biết gì ?</p> <p>-Bài toán hỏi gì ?</p> <p><u>Tóm tắt</u> Buổi sáng : 48l Buổi chiều : 37l Cả hai buổi : ...l?</p> <p>-Gọi 1 em lên bảng làm.</p> <p>-Tại sao muốn biết cả hai buổi bán bao nhiêu lít dầu em lấy <math>48 + 37</math>?</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Bài 2:</b> -Gọi 1 em đọc đề.</p> <p>-Bài toán cho biết những gì ?</p> <p>-Bài toán hỏi gì ?</p> <p><u>Tóm tắt</u></p> <p>Bình : <math>32\text{ kg}</math></p> <p>An : <math>6\text{ kg}</math></p> <p><math>? \text{ kg}</math></p>	<p>-1 em đọc đề.</p> <p>-Buổi sáng bán 48l dầu, buổi chiều bán 37l dầu.</p> <p>-Cả hai buổi bán ? lít dầu.</p> <p>-1 em lên bảng làm. Lớp làm vở.</p> <p><u>Bài giải</u></p> <p>Cả hai buổi bán được số lít dầu là:</p> $48 + 37 = 85 (l)$ <p><u>Đáp số</u> : 85l dầu</p> <p>-Vì số lít dầu cả ngày bằng số lít dầu buổi sáng và chiều gộp lại.</p> <p>-1 em đọc đề.</p> <p>-Bình nặng : 32 kg, An nhẹ hơn Bình 6 kg.</p> <p>-An cân nặng bao nhiêu kg.</p>

<p>-Bài toán thuộc dạng gì ? Vì sao ?</p> <p>-Gọi 1 em lên bảng làm.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Bài 3:</b>-Gọi 1 em đọc đề.</p> <p>-Bài toán cho biết gì ?</p> <p>-Bài toán hỏi gì ?</p> <p style="text-align: center;"><u>Tóm tắt:</u> 24 bông hoa</p> <p>Lan : </p> <p>hoa</p> <p>Liên : </p> <p style="text-align: center;">? bônghoa</p> <p>-Bài toán thuộc dạng gì ?</p> <p>-Gọi 1 em lên bảng làm.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Hoạt động 2: Củng cố :</b></p> <p>-Nhận xét tiết học.</p> <p>-Dặn dò- Học bài.</p>	<p>-Thuộc dạng ít hơn vì nhẹ hơn là ít hơn.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải:</u> Bạn An cân nặng là : <math>32 - 6 = 26</math> (kg) <u>Đáp số</u> : 26 kg.</p> <p>-1 em đọc đề.</p> <p>-Lan hái 24 bông hoa.Liên hái nhiều hơn Lan 16 bông hoa.</p> <p>-Liên hái được mấy bông hoa.</p> <p>-Bài toán về nhiều hơn.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải.</u> Liên hái được số bông hoa là: <math>24 + 16 = 40</math> (bông) <u>Đáp số</u> : 40 bông hoa.</p>
--	---

## Tiết 87: Luyện tập chung

### I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :Giúp học sinh :

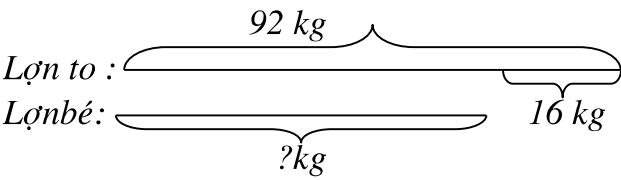
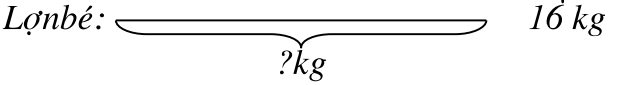
- Biết cộng trừ nhẩm trong phạm vi 20
  - Biết làm tính cộng trừ có nhớ trong phạm vi 100.
  - Biết tìm số hạng, số bị trừ.
  - Biết giải bài toán về ít hơn một số đơn vị.
2. **Kĩ năng** : Cộng trừ nhẩm, và cộng trừ viết đúng, nhanh chính xác.
3. **Thái độ** : Phát triển tư duy toán học cho học sinh.

II/ **CHUẨN BỊ** :

1. **Giáo viên** : Ghi bảng bài 5.
2. **Học sinh** : Sách, vở, bảng con, nháp.

III/ **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b>Hoạt động 1 : KT bài cũ :</b>            Thùng nhỏ đựng 48l nước khoáng.            Thùng lớn đựng nhiều hơn thùng nhỏ 12l.            Hỏi thùng lớn đựng bao nhiêu lít nước khoáng ?            -Nhận xét.</p> <p><b>Hoạt động 1:</b> Luyện tập.  <b>Bài 1:</b> Yêu cầu gì ?            -Yêu cầu HS tự nhẩm.</p> <p><b>Bài 2</b>            Yêu cầu gì ?            -Khi đặt tính cần chú ý điều gì?            -Tính từ đâu sang đâu?            -Gọi 2 em lên bảng làm</p>	<p>-2 HS lên bảng giải.  <i>Số lít nước khoáng thùng lớn đựng:</i>  <math>48 + 12 = 60 (l)</math>  <b><u>Đáp số</u> : 60l</b></p> <p>Tính nhẩm            -Tự nhẩm, nhiều em nối tiếp báo kết quả.  <math>12 - 4 = 8</math>                      <math>9 + 5 = 14</math>  <math>15 - 7 = 8</math>                      <math>7 + 7 = 14</math>  <math>13 - 5 = 8</math>                      <math>6 + 8 = 14</math>  <math>11 - 5 = 6</math>  <math>4 + 9 = 13</math>  <math>16 - 7 = 9</math></p> <p>-Đặt tính và tính.            -Viết thẳng cột..            -Tính từ phải sang trái            -2 em lên bảng làm</p> <p style="text-align: center;"> <math display="block">\begin{array}{r} 28 \\ + 19 \\ \hline 47 \end{array}</math> <math display="block">\begin{array}{r} 73 \\ - 35 \\ \hline 38 \end{array}</math> </p> <p>-2 em trả lời.</p>

<p>-Nêu cách thực hiện phép tính : <math>28 + 19</math>, <math>73 - 35</math>, -Nhận xét.</p> <p><b>Bài 3</b></p> <p>- Gọi 1 HS nêu yêu cầu</p> <p>- x là gì trong câu a?</p> <p>- Muốn tìm một số hạng trong một tổng ta làm ntn?</p> <p>- x là gì trong câu b?</p> <p>- Muốn tìm số bị trừ ta làm ntn?</p> <p style="padding-left: 40px;">- Gọi 2 HS lên bảng làm.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Bài 4 :</b> Gọi 1 em đọc đề.</p> <p>-Bài toán cho biết gì ?</p> <p>-Bài toán hỏi gì ?</p> <p style="text-align: center;"><u>Tóm tắt</u></p> <p>Lợn to : </p> <p>Lợn bé: </p> <p>Bài toán thuộc dạng gì ?</p> <p><b>Hoạt động 2: Củng cố :</b></p> <p>-Giáo dục tính cẩn thận khi làm tính.</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Tìm x</p> <p>- x là số hạng chưa biết</p> <p>- Muốn tìm một số hạng trong một tổng ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.</p> <p>- x là số bị trừ.</p> <p>- Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm.</p> <p><math>a, x + 18 = 62</math>    <math>b, x - 27 = 37</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>x = 62 - 18</math>    <math>x = 37 + 27</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>x = 44</math>    <math>x = 64</math></p> <p>- HS trả lời</p> <p>-Lợn bé nặng ? kg.</p> <p>-Bài toán về ít hơn.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Con lợn bé cân nặng là :</p> <p><math>92 - 16 = 76</math> (kg)</p> <p><u>Đáp số :</u> 76 kg.</p>
--	--

## Tiết 88: **LUYỆN TẬP CHUNG**

### I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức : Giúp học sinh :

-Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.

- Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính cộng, trừ trong trường hợp đơn giản.

- Biết tìm một thành phần chưa biết của phép cộng hoặc trừ.

- Biết giải bài toán về nhiều hơn một số đơn vị.

2. Kĩ năng : Rèn tính nhanh, đúng chính xác.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

II/ CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên : Viết BT3(b) lên bảng.

2. Học sinh : Sách, vở, nháp.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><b>Hoạt động 1</b> : luyện tập.</p> <p>Bài 1</p> <p>-Em thực hiện tính từ đâu sang đâu?</p> <p>-Gọi 3 em lên bảng làm.</p>  <p>-Yc 3 HS nêu rõ cách tính <math>35 + 35</math>; <math>40 + 60</math>; <math>100 - 75</math>;</p> <p>-Nhận xét</p> <p>Bài 2 :</p> <p>-Ghi bảng : <math>14 - 8 + 9 =</math></p> <p>-Khi thực hiện phép tính em thực hiện như thế nào ?</p> $14 - 8 + 9 = 6 + 9$ $= 15$	<p>-Tính từ phải sang trái.</p> <p>-3 em lên bảng làm.</p> $\begin{array}{r} 35 \\ + 35 \\ \hline 70 \end{array} \quad \begin{array}{r} 40 \\ + 60 \\ \hline 100 \end{array} \quad \begin{array}{r} 100 \\ - 75 \\ \hline 025 \end{array}$ <p>-3 em nêu cách tính.</p> <p>-Tính từ trái sang phải .</p> <p>-HS làm bài theo mẫu :</p> $14 - 8 + 9 = 6 + 9$ $= 15$ $5 + 7 - 6 = 12 - 6$ $= 6$ $16 - 9 + 8 = 7 + 8$ $= 15$ $15 - 6 + 3 = 9 + 3$ $= 12$ $8 + 8 - 9 = 16 - 9$ $= 7$ $11 - 7 + 8 = 4 + 8$ $= 12$



-Nhận xét.

**Bài 3:**

-Phần b yêu cầu gì ?

-Hỏi về cách tìm số bị trừ, số trừ chưa biết.

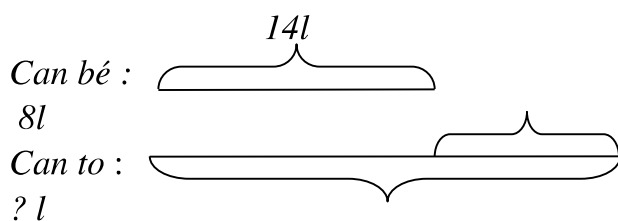
-Nhận xét.

**Bài 4:** -Gọi 1 HS đọc đề

-Can bé đựng bao nhiêu lít dầu?

-Can to đựng được nhiều hơn can bé bao nhiêu lít dầu?

Tóm tắt.



-Gọi 1 HS lên bảng giải bài toán.

**Hoạt động 2: Củng cố:**

-HDHS củng cố lại bài...

-Giáo dục tính cẩn thận khi làm tính.

-Nhận xét tiết học.

-Tìm số bị trừ, số trừ, hiệu.

-1 em lên bảng làm. Lớp làm vở

Số bị trừ	44	63	<b>64</b>	90
Số trừ	18	<b>36</b>	30	<b>38</b>
Hiệu	<b>26</b>	27	34	52

-Can bé đựng 14 lít dầu.

-Can to đựng được nhiều hơn can bé 8 lít dầu.

Bài giải.

Số lít dầu đựng trong can to là :

$$14 + 8 = 22 (l)$$

Đáp số : 22l dầu.

## TIẾT 89: Luyện tập chung

### I/ MỤC TIÊU :

#### 1. Kiến thức:

- Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.

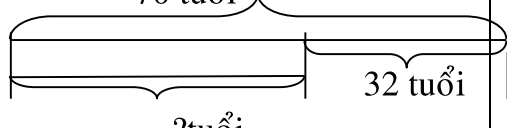
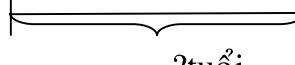
- Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính cộng, trừ trong trường hợp đơn giản. ước đầu nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng.

- Biết giải bài toán về ít hơn một số đơn vị.

2. Kĩ năng : Rèn kĩ năng làm tính nhanh, đúng, chính xác.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.



<p>-Năm nay ông bao nhiêu tuổi? -Bố kém ông bao nhiêu tuổi?</p> <p style="text-align: center;"><u>Tóm tắt.</u></p> <p style="text-align: center;">70 tuổi</p> <p>Ông : </p> <p>Bố: </p> <p>-Bài toán thuộc dạng gì ? -Yêu cầu 1 HS lên bảng giải.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b><u>Hoạt động 2 : Củng cố:</u></b> HDHS củng cố lại bài Biểu dương HS tốt, nhắc nhở HS chưa chú ý. -Nhận xét tiết học.</p>	<p>-1 em đọc đề. -70 tuổi -32 tuổi</p> <p>-Bài toán về ít hơn vì kém có nghĩa là ít hơn.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u> Số tuổi của bố là : <math>70 - 32 = 38</math> (tuổi) <u>Đáp số</u> : 38 tuổi.</p>
---	---

TOÁN  
TIẾT 90: KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

.....

